

Số: *22* /2017/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 08 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn
tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND
ngày 13/10/2014 của UBND tỉnh Ninh Bình v/v Ban hành Quy định
quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 104/TTr-STC ngày 02 /8/2017, và Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 162/BC-STC ngày 25/7/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 13/10/2014 của

UBND tỉnh Ninh Bình v/v Ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình như sau:

1. Sửa đổi Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 7 như sau:

“1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá:

a) Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7, Khoản 9, Khoản 10 Điều 3 Quy định này.

b) Sở Công Thương tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 8 Điều 3 Quy định này.

c) Sở Y tế tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 11 Điều 3 Quy định này;

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 3 Quy định này trên địa bàn huyện.

2. Đối tượng thực hiện đăng ký giá

a) Các tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách đăng ký giá ở trung ương.

b) Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định) không phải đăng ký giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Khoản 1 Điều này về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

3. Định kỳ vào ngày 01 tháng 07 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Khoản 1 Điều này rà soát danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá tại địa phương gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá tại địa phương.”

2. Sửa đổi Điều 9 như sau:

Ủy ban nhân dân tỉnh định giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một

số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.

3. Sửa đổi Điều 10 như sau:

“Điều 10. Thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan trong việc xây dựng phương án giá, thẩm định, trình và quyết định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sở Tài chính:

a) Xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh.

b) Xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất thuê đối với trường hợp diện tích tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất đấu giá có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 20 tỷ đồng.

c) Thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại Khoản 2, 3 Điều này lập.

2. Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng hoặc chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng phương án giá, báo cáo cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính; trường hợp thẩm định bảng giá đất, phương án giá đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, cụ thể như sau:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng hoặc chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng: Bảng giá các loại đất; phương án giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất thuê đối với trường hợp diện tích tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất đấu giá có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) từ 20 tỷ đồng trở lên; Giá cụ thể dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ;

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng hoặc chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng phương án: Giá nước sạch sinh hoạt nông thôn; Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu; Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý.

c) Sở Xây dựng xây dựng hoặc chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng phương án: Giá nước sạch sinh hoạt đô thị; Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã

hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở; Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương; Phương án giá tối đa đối với dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Phương án giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

d) Sở Giao thông vận tải xây dựng hoặc chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng phương án: Phương án giá cụ thể đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Giá tối đa dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo; Giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; Khung giá dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý (trừ các khu danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá); Giá tối đa dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý (trừ các khu danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá); Khung giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý; Khung giá dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

đ) Sở Công thương xây dựng hoặc chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng phương án: giá cụ thể dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Giá tối đa dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

e) Sở Du lịch xây dựng hoặc chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng phương án: Khung giá dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý tại các khu danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá; Giá tối đa dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý tại các khu danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá.

3. Đối với giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh

doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật; các loại hàng hóa, dịch vụ khác chưa có trong quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện quy định giá cụ thể theo thẩm quyền, đồng thời gửi đến cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại Khoản 2 Điều này đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu. Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tổng hợp, gửi Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi, giám sát.”

4. Sửa đổi Điều 22 như sau:

“Điều 22. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 3 Nghị định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá;

2. Xi măng, thép xây dựng;

3. Than;

4. Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

5. Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước;

6. Dịch vụ tại cảng biển;

7. Dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;

8. Cước vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm;

9. Sách giáo khoa;

10. Dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;

11. Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;

12. Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi;

13. Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế;

14. Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG);

15. Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.”

5. Sửa đổi Khoản 1 Điều 23 như sau:

“1. Cơ quan tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá

a) Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa dịch vụ quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 14 Điều 22 Quy định này;

b) Sở Công Thương tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 13 Điều 22 Quy định này;

c) Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 7, 10, 12 Điều 22 Quy định này;

d) Sở Y tế tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 11 Điều 22 Quy định này;

đ) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 Điều 22 Quy định này trên địa bàn huyện.

e) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại khoản 1 Điều 22 Quy định này, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá.

Định kỳ vào ngày 01 tháng 07 và ngày 31 tháng 12 hàng năm, Cơ quan tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá có trách nhiệm tổng hợp các mức giá kê khai, gửi Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi, giám sát.”

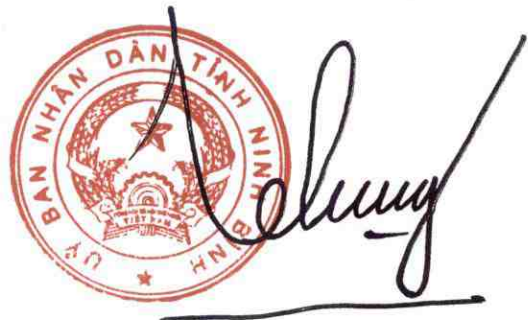
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/8/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP3, VP4, VP5./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Chung Phụng